

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30/ 6 /2017

Đơn vị tính: đồng

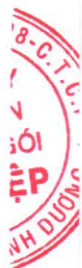
TÀI SẢN	MÃ SỐ	T. MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100)=110+120+130+140+150)	100		27,734,438,920	26,790,894,137
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7,448,597,769	8,767,526,202
1. Tiền	111		2,948,597,769	3,267,526,202
2. Các khoản tương đương tiền	112		4,500,000,000	5,500,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4,095,543,162	5,703,330,012
1. Chứng khoán kinh doanh	121		149,805,533	945,389,562
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		(54,262,371)	(242,059,550)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4,000,000,000	5,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9,759,400,162	7,637,629,110
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		399,822,340	374,686,208
2. Trả trước cho người bán	132		0	77,000,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		9,000,000,000	7,000,000,000
6. Phải thu khác ngắn hạn khác (138, 338,)	136		384,577,822	210,942,902
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(25,000,000)	(25,000,000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho	140		6,385,897,827	4,677,329,644
1. Hàng tồn kho	141		6,759,173,028	5,053,992,120
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(373,275,201)	(376,662,476)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		45,000,000	5,079,169
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		45,000,000	5,079,169
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200)=210+220+240+250+260)	200		34,008,853,491	35,006,308,330
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0



TÀI SẢN	MÃ SỐ	T. MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		1,187,766,056	1,335,223,286
1. Tài sản cố định hữu hình	221		542,226,654	680,529,948
- Nguyên giá	222		3,859,212,424	3,859,212,424
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3,316,985,770)	(3,178,682,476)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227		645,539,402	654,693,338
- Nguyên giá	228		860,470,113	860,470,113
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(214,930,711)	(205,776,775)
III. Bất động sản đầu tư	230		1,499,822,492	1,521,090,416
- Nguyên giá	231		1,999,184,634	1,999,184,634
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(499,362,142)	(478,094,218)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		30,674,963,667	31,109,759,092
1. Đầu tư vào công ty con	251		11,918,640,000	11,918,640,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20,000,000,000	20,000,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1,243,676,333)	(808,880,908)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260		646,301,276	1,040,235,536
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		646,301,276	1,040,235,536
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		61,743,292,411	61,797,202,467

0035878
**CÔNG TY
CỔ PHẦN
SẠCH NG
NHỊ HI**
AN-T.BI

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	T.MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A. NỢ PHẢI TRẢ (300= 310+320)	300		6,517,324,034	9,059,754,612
I. Nợ ngắn hạn	310		6,486,029,590	9,052,535,168
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1,929,081,907	4,928,612,770
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		584,048,265	308,050,483
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		1,378,122,028	954,878,971
4. Phải trả người lao động	314		399,861,931	633,569,211
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1,224,947,019	768,147,323
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		526,893,356	1,202,378,926
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			0
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		443,075,084	256,897,484
13. Quỹ bình ổn giá	323			0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			0
II. Nợ dài hạn	330		31,294,444	7,219,444
1. Phải trả người bán dài hạn	331			0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			0
7. Phải trả dài hạn khác	337			0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		31,294,444	7,219,444
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410+420)	400		55,225,968,377	52,737,447,855
I. Vốn chủ sở hữu	410		55,225,968,377	52,737,447,855
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30,415,420,000	30,415,420,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30,415,420,000	30,415,420,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		209,074,994	209,074,994
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14,315,663,205	10,406,024,305



NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	T.MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10,285,810,178	11,706,928,556
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3,946,434,756	1,667,061,971
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6,339,375,422	10,039,866,585
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300+400)	440		61,743,292,411	61,797,202,467

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG



Ngày 20 tháng 7 năm 2017

Giám đốc

NGUYỄN NGỌC NUI

